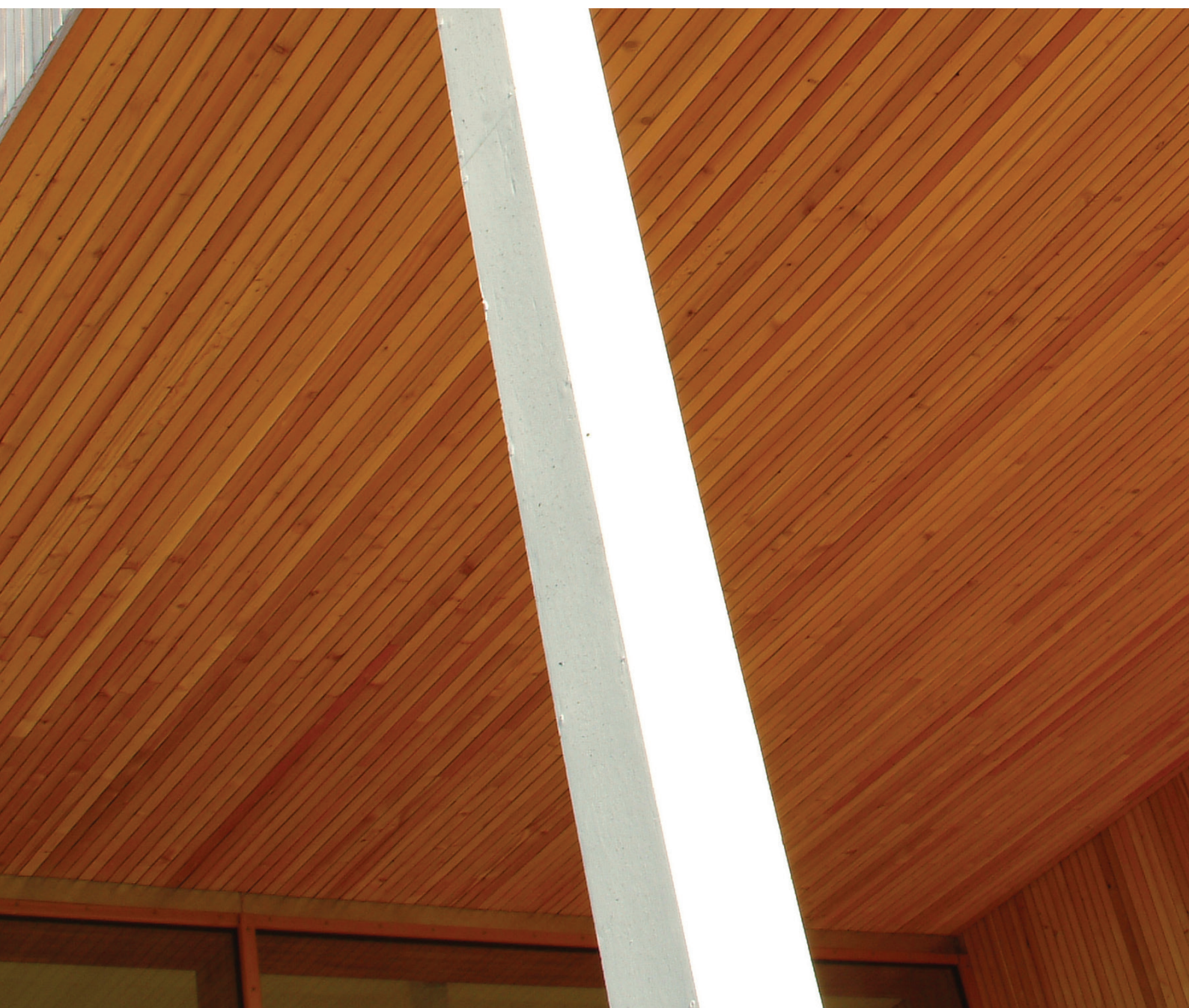




CÁC LOÀI VÀ XẾP LOẠI GỖ MỀM PHƯƠNG TÂY



GỖ MỀM PHƯƠNG TÂY

Các vùng đất rừng Phương Tây

Phía Tây Hoa Kỳ là nơi có hơn 213 triệu mẫu vuông rừng phì nhiêu và dồi dào tài nguyên nhất trên thế giới. Trong số này, chỉ có 126 triệu mẫu vuông dành cho sản xuất gỗ kiến trúc thương mại, phần còn lại được bảo tồn để dành cho các vùng hoang dã, bảo vệ lưu vực đầu nguồn, động vật hoang dã, công viên và các hoạt động phi lợi nhuận khác. Khai thác gỗ kiến trúc thương mại ở phương Tây chịu sự quản lý chặt chẽ và cấp tiến nhất của Đạo Luật Thực Hành Về Rừng và Các Biện Pháp Thực Hành Quản Lý Tốt Nhất của tiểu bang so với bất kỳ khu vực trồng gỗ kiến trúc nào khác trên hành tinh, sản xuất hơn 15 loài gỗ mềm quan trọng về mặt thương mại. Hướng dẫn này mô tả chi tiết năm trong số những loài nổi bật nhất có sẵn cho người mua gỗ kiến trúc: Gỗ linh sam Douglas (Douglas fir), Gỗ thông Hem-Fir (Hem-Fir), cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ (ponderosa pine), Gỗ thông trắng Idaho (Idaho white pine) và Gỗ vân sam Engelmann (Engelmann spruce).

Tóm tắt xếp loại gỗ kiến trúc

Để hiểu xếp loại gỗ mềm Hoa Kỳ, tốt nhất là bắt đầu bằng cách xem xét ba phân nhóm rộng đã được thẩm định, mỗi phân nhóm được xác định bởi mục đích sử dụng cuối cùng:

- **Gỗ Xẻ Cấu Trúc** (Structural Lumber) được sử dụng trong xây dựng và được xếp loại theo sức mạnh của nó
- **Gỗ Xẻ Bề Mặt** (Appearance Lumber) được sử dụng trong các ứng dụng có tính thị giác cao và được xếp loại theo số lượng các đặc tính có thể làm giảm chất lượng của bề mặt miếng gỗ.
- **Gỗ Xẻ Cửa Hàng và Nhà Máy** được sử dụng cho cửa sổ, cửa ra vào và đồ nội thất, và được xếp loại theo tỷ lệ phần trăm của các tấm cắt nhỏ hơn có thể thu hồi từ một miếng gỗ.

Mỗi phân nhóm này có các quy định xếp loại đặc biệt và cấu trúc tổ chức riêng và hướng dẫn này sẽ khám phá, cung cấp thông tin về các xếp loại phổ biến trong từng phân nhóm.

Điều quan trọng nhất cần biết khi chọn một xếp loại gỗ là nó sẽ được sử dụng vào ứng dụng nào. Nếu loại gỗ quý vị yêu cầu là gỗ xẻ cấu trúc, thì nó sẽ cần chịu trọng lượng bao nhiêu? Nếu loại gỗ quý vị yêu cầu có tính thị giác cao, mức độ quan trọng của thớ gỗ sạch là bao nhiêu? Cuối cùng, việc hiểu rõ các chi tiết của mục đích sử dụng cuối cùng sẽ cho phép quý vị chọn được xếp loại gỗ phù hợp cho dự án của mình.



Các cơ quan xếp loại gỗ thành viên

Ấn phẩm này đưa ra mẫu đại diện của các xếp loại gỗ mềm phương Tây được cung cấp bởi các cơ quan thành viên của Hội Đồng Xuất Khẩu Gỗ Mềm (Softwood Export Council - SEC):



Cục Kiểm Tra
Gỗ Xẻ Thái Bình
Dương (Pacific
Lumber Inspection
Bureau - PLIB)



Cục Kiểm Tra Gỗ
Xẻ West Coast
(West Coast
Lumber Inspection
Bureau - WCLIB)



Hiệp Hội Sản
Phẩm Gỗ Phương
Tây (Western
Wood Products
Association -
WWPA)

Mỗi cơ quan này được công nhận bởi Ủy Ban Tiêu Chuẩn Gỗ Xẻ Mỹ (American Lumber Standard Committee, Inc. - ALSC) thuộc Bộ Thương Mại Hoa Kỳ. Các cơ quan này cùng nhau chịu trách nhiệm cho 85% tổng sản lượng gỗ mềm của khu vực phía Tây. Quý vị có thể liên lạc với Hội Đồng Xuất Khẩu Gỗ Mềm (Softwood Export Council) bất cứ lúc nào để biết thông tin về các tổ chức thành viên hoặc các sản phẩm của các công ty thành viên của họ. Vui lòng tham khảo trang web của SEC: www.softwood.org.

Tìm hiểu về con dấu xếp loại

Hầu hết các lô gỗ xẻ Hoa Kỳ được chứng nhận đều có con dấu xếp loại, mặc dù các yêu cầu đóng dấu xếp loại đối với gỗ kiến trúc bề mặt khác với thanh gỗ cấu trúc. Các yếu tố quan trọng của bất kỳ con dấu nào là:

1. Dấu Chứng Nhận: được đăng ký bởi một cơ quan xếp loại, chứng thực việc giám sát kiểm soát chất lượng.
2. Nhận Dạng Xuất Xưởng: hiển thị danh tính nhà máy sản xuất, có thể là tên hoặc số nhà máy được chỉ định.
3. Chỉ Định Xếp Loại: tên xếp loại, số xếp loại, hoặc viết tắt.
4. Nhận Dạng Loài: cho biết về loài hoặc sự kết hợp loài.
5. Độ Ẩm & Mức Độ Sấy Khô:
 - MC15 hoặc KD15: Độ ẩm tối đa 15% (KD nghĩa là "Được Sấy Khô Bằng Lò Nung")
 - S-DRY hoặc KD: Độ ẩm tối đa 19%
 - S-GRN: độ ẩm trên 19%
 - HT: nhiệt độ lõi của gỗ được làm nóng đến nhiệt độ tối thiểu 56° C trong thời gian tối thiểu 30 phút. (HT nghĩa là "Được Xử Lý Bằng Nhiệt")



Đặc tính tự nhiên và các khiếm khuyết trong quá trình sản xuất

Các đặc tính tự nhiên hoặc các khiếm khuyết sản xuất có thể xảy ra trong quá trình xử lý không chỉ ảnh hưởng đến bề mặt của một miếng gỗ, mà còn đến cả tính toàn vẹn về mặt cấu trúc và khả năng chịu tải của nó. Các xếp loại được xác định bởi những tiêu chí như kiểu gỗ, kích thước, độ kín, tần suất và vị trí của tất cả các đặc tính và các khiếm khuyết trong một miếng gỗ. Sau đây là một số đặc tính và khiếm khuyết sản xuất phổ biến hơn sẽ được nhắc đến sau này:



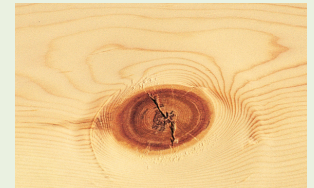
Túi Vò



Vết Xanh Dương



Vết Màu Nâu



Mắt Rạn



Mắt Gỗ Mọc Xen



Vết Cháy Do Máy



Vết Rãnh Do Máy



Nút Cố Định Không Chắc



Vết Sọc Hắc Ấn



Bò Qua Lốp Đánh Bóng



Mắt Kết Vảy



Mắt Gai Nhọn



Mắt Thắt Đen



Thớ Gỗ Rách (Từ Máy Bào)



Mắt Không Đều



Gỗ Khuyết Góc

THANH GỖ CẤU TRÚC

Các miếng gỗ cấu trúc được thẩm định trực quan, cơ học hoặc bằng cách quét kỹ thuật số, với các xếp loại được chỉ định dựa trên sức mạnh của từng miếng gỗ, chứ không phải bề mặt. Quy định xếp loại hạn chế các đặc tính tự nhiên và khiếm khuyết sản xuất có ảnh hưởng đến sức mạnh và mục đích sử dụng cuối cùng thích hợp với từng xếp loại, loài và kích thước gỗ.

Các xếp loại được xác định dựa trên kích thước đầy đủ của tấm – nếu một miếng gỗ được xếp loại được xẻ lại, thì xếp loại của nó sẽ không còn sử dụng được nữa; nếu quý vị có hai miếng gỗ chưa được xếp loại, một miếng có nhiều đặc tính hơn, thì có khả năng miếng đó là một xếp loại khác so với miếng kia.

Mỗi xếp loại có các giá trị thiết kế riêng biệt liên quan đến độ cứng và sức mạnh của miếng gỗ và thay đổi tùy theo loài. Một số loài phương Tây có chung các đặc tính hiệu suất này và do đó được nhóm lại với nhau, giúp đơn giản hóa việc tiếp thị, thiết kế và kỹ thuật. Bằng cách kết hợp các loài giống nhau, giá trị thiết kế có thể được phát triển và chỉ định cho mỗi kết hợp thay vì mỗi loài riêng lẻ. Một số Kết Hợp Loài Phương Tây phổ biến bao gồm:

- Gỗ linh sam gỗ thông rụng lá Douglas (Douglas Fir-Larch): Gỗ linh sam Douglas (Douglas fir) và Cây thông rụng lá phương Tây (Western larch)
- Gỗ thông Hem-Fir (Hem-Fir): Cây độc cần phương Tây (Western hemlock), gỗ thông Giáng Sinh (noble fir), Gỗ linh sam đỏ California (California red fir), gỗ linh sam lớn (grand fir), Gỗ linh sam bạc Thái Bình Dương (Pacific silver fir) và gỗ linh sam trắng (white fir)
- Tùng-Thông-Bách (Spruce-Pine-Fir, SPF): Gỗ thông Sitka (Sitka spruce), Gỗ vân sam Engelmann (Engelmann spruce) và cây thông lá to xoắn (lodgepole pine)
- Các loại gỗ Phương Tây: Bất kỳ sự kết hợp nào của các loài phương Tây ngoại trừ cây tuyết tùng, ví dụ: Gỗ linh sam dây An-pơ (Alpine fir), cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ (ponderosa pine), cây thông đường (sugar pine), Gỗ thông trắng Idaho (Idaho white pine) và cây độc cần núi (mountain hemlock)
- Cây tuyết tùng phương Tây (Western cedars): gỗ tuyết tùng hương (incense cedar), Cây tuyết tùng đỏ phương Tây (Western red cedar), Tuyết tùng Port Orford (Port Orford cedar) và Gỗ tuyết tùng Alaska (Alaska cedar).

Các xếp loại **Gỗ Xẻ Theo Kích Thước**, dựa trên Quy Định Xếp Loại Quốc Gia, được chia thành bốn phân nhóm:

1. Các xếp loại **Khung Nhẹ Cấu Trúc (Structural Light Framing, SLF)** được dành cho với các ứng dụng kỹ thuật trong đó cần đến các giá trị thiết kế cao nhất. Các xếp loại SLF bao gồm Lựa Chọn Cấu Trúc (Select Structural), Số 1 (No. 1), Số 2 (No. 2) và Số 3 (No. 3). Chúng có sẵn ở các kích thước từ 38mm x 38mm đến 89mm x 89mm.
2. Các xếp loại **Khung Nhẹ (Light Framing, LF)** được dành cho mục đích sử dụng khung trong trường hợp không yêu cầu giá trị sức mạnh cao nhất, ví dụ cho khung tường, tấm, bệ cửa, cột chống, tấm chặn, v.v. Các xếp loại LF bao gồm Xây Dựng (Construction), Tiêu Chuẩn (Standard) và Tiện Ích (Utility) ở các kích thước từ 38mm x 38mm đến 89mm x 89mm.





3. Xếp loại Đinh Ván (Stud) là một xếp loại không bắt buộc, đa mục đích phục vụ việc lắp đặt theo phương thẳng đứng trong các ứng dụng chịu tải, chẳng hạn như cho khung tường. Chỉ có một xếp loại, Đinh Ván, có sẵn ở kích thước từ 38mm x 38mm đến 89mm x 337mm.

4. Dầm & Tấm Ván Cấu Trúc (Structural Joists & Planks, SJ&P) được dự tính để phù hợp với các ứng dụng kỹ thuật dành cho gỗ kiến trúc rộng từ 114mm trở lên, chẳng hạn như dầm sàn, các tấm xà, các phần mái, các dầm nhỏ, giàn kèo và khung chung. Các xếp loại SJ&P bao gồm Lựa Chọn Cấu Trúc, Số 1 (No. 1), Số 2 (No. 2) và Số 3 (No. 3) và có sẵn ở các kích thước từ 38mm x 114mm đến 89mm x 483mm.

Các sản phẩm cấu trúc **Kích Thước Đặc Biệt (Special Dimension)** bổ sung bao gồm gỗ kiến trúc Chịu Được Lực Của Máy và Kết Dính Theo Cấu Trúc (Structural Glued and Machine Stress-Rated, MSR).

Ở các trang tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn về các xếp loại được gạch chân nêu trên. Đây là các xếp loại thường được sản xuất cho phép chúng ta có một cái nhìn đại diện về Xếp Loại Cấu Trúc. Để biết thêm thông tin về bất kỳ xếp loại nào nêu trên, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi tại www.softwood.org.



XẾP LOẠI KHUNG NHẸ CẤU TRÚC





Lựa Chọn Cấu Trúc (Select Structural)

Gỗ linh sam Douglas

- Khuyến nghị cho các mục đích sử dụng cần có sức mạnh, độ cứng cao và ngoại hình đẹp
- Các hạn chế chủ yếu đến từ các đặc tính ảnh hưởng đến sức mạnh của gỗ
- Cho phép các mắt gỗ đều, chắc, được bọc và có lõi không lớn hơn 22mm, thất lại và cách đều nhau
- Các mắt gỗ hoặc lỗ không đều hoặc lòng không lớn hơn 19mm, cho phép có một mắt hoặc lỗ trên mỗi 1.2 mét gỗ
- Gỗ khuyết góc bị giới hạn ở ¼ độ dày và chiều rộng của toàn bộ chiều dài
- Miếng gỗ 5 mô tả lõi trái tim được phép.



Số 2 (No. 2)

Gỗ linh sam Douglas

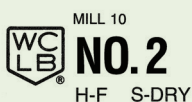
- Đề xuất cho hầu hết các mục đích sử dụng cho xây dựng chung
- Cho phép các mắt gỗ cách đều nhau với bất kỳ chất lượng nào ở kích thước lên tới 51mm
- Các lỗ không lớn hơn 32mm, cho phép có một lỗ trên mỗi 610mm gỗ
- Gỗ khuyết góc được phép lên tới ⅓ độ dày và chiều rộng của toàn bộ chiều dài, hoặc tương đương trên mỗi mặt, miễn là gỗ khuyết góc đó không vượt quá ⅔ độ dày hoặc ½ chiều rộng cho tối đa ¼ chiều dài; mô tả ở miếng gỗ 4
- Miếng gỗ 1 có vẻ là xếp loại ở trên, tuy nhiên một lần bỏ máy cho toàn bộ chiều dài khiến nó xếp loại Số 2 (No. 2).



Lựa Chọn Cấu Trúc (Select Structural)

Gỗ thông Hem-Fir

- Khuyến nghị cho các mục đích sử dụng cần có sức mạnh, độ cứng cao và ngoại hình đẹp
- Các hạn chế chủ yếu đến từ các đặc tính ảnh hưởng đến sức mạnh của gỗ
- Cho phép các mắt gỗ đều, chắc, được bọc và có lõi không lớn hơn 22mm, thất lại và cách đều nhau
- Các mắt gỗ hoặc lỗ không đều hoặc lòng không lớn hơn 19mm, cho phép có một mắt hoặc lỗ trên mỗi 1.2 mét gỗ
- Gỗ khuyết góc bị giới hạn ở ¼ độ dày và chiều rộng của toàn bộ chiều dài
- Miếng gỗ 4 mô tả các mắt gỗ trên đường trung tuyến được phép có kích thước lên tới 22mm.



Số 2 (No. 2)

Gỗ thông Hem-Fir

- Đề xuất cho hầu hết các mục đích sử dụng cho xây dựng chung
- Cho phép các mắt gỗ cách đều nhau với bất kỳ chất lượng nào ở kích thước lên tới 51mm
- Các lỗ không lớn hơn 32mm, cho phép có một lỗ trên mỗi 610mm gỗ
- Gỗ khuyết góc được phép lên tới ⅓ độ dày và chiều rộng của toàn bộ chiều dài, hoặc tương đương trên mỗi mặt, miễn là gỗ khuyết góc đó không vượt quá ⅔ độ dày hoặc ½ chiều rộng cho tối đa ¼ chiều dài; mô tả ở miếng gỗ 1 và 5.

XẾP LOẠI KHUNG NHẸ & ĐINH VÁN





Tiêu Chuẩn (Standard) Gỗ linh sam Douglas

- Có ít các đặc tính giúp cung cấp sức mạnh tốt và khả năng phục vụ tuyệt vời. Được sử dụng cho các mục đích tương tự như xếp loại xây dựng, hoặc kết hợp với xếp loại xây dựng
- Cho phép các mắt gỗ với bất kỳ chất lượng nào ở kích thước lên tới 51mm ở bất kỳ đầu trên bề mặt chiều rộng
- Các lỗ không lớn hơn 32mm, cho phép có một lỗ trên mỗi 610mm gỗ
- Áp dụng các hạn chế đối với gỗ khuyết góc.



Đinh Ván (Stud) Gỗ linh sam Douglas

- Dành cho việc lắp đặt theo phương thẳng đứng trong các ứng dụng chịu tải
- Các mắt gỗ với bất kỳ chất lượng nào ở kích thước lên tới 38mm, cho phép một mắt gỗ trên mỗi 310mm gỗ
- Hạn chế đối với móc, các phần chia ra, vết nứt và các chốt mép
- Gỗ khuyết góc được phép lên tới 1/3 độ dày và 1/2 chiều rộng của toàn bộ chiều dài hoặc tương đương trên mỗi mặt, miễn là gỗ khuyết góc đó không vượt quá 1/2 độ dày hoặc 3/4 chiều rộng cho tối đa 1/4 chiều dài; mô tả ở miếng gỗ 3 & 4.



Tiêu Chuẩn (Standard) Gỗ thông Hem-Fir

- Đề xuất và sử dụng rộng rãi cho các mục đích xây dựng chung
- Đã được xếp loại về sức mạnh và tiện ích
- Các mắt gỗ với bất kỳ chất lượng nào ở kích thước lên tới 51mm ở bất kỳ đầu trên bề mặt chiều rộng
- Các lỗ không lớn hơn 32mm, cho phép có một lỗ trên mỗi 610mm gỗ
- Miếng gỗ 5 mô tả đốm trắng.



Đinh Ván (Stud) Gỗ thông Hem-Fir

- Dành cho việc lắp đặt theo phương thẳng đứng trong các ứng dụng chịu tải
- Có thể được sản xuất với toàn bộ chiều dài cơ bản và đèo gọt hai đầu hoặc đèo gọt một đầu đến một độ dài chính xác
- Các mắt gỗ với bất kỳ chất lượng nào ở kích thước lên tới 38mm, cho phép một mắt gỗ trên mỗi 310mm gỗ
- Hạn chế đối với móc, các phần chia ra, vết nứt và các chốt mép
- Gỗ khuyết góc được phép lên tới 1/3 độ dày và 1/2 chiều rộng của toàn bộ chiều dài, hoặc tương đương trên mỗi mặt, miễn là gỗ khuyết góc đó không vượt quá 1/2 độ dày hoặc 3/4 chiều rộng cho tối đa 1/4 chiều dài; mô tả ở miếng gỗ 1 & 4.

GỖ KIẾN TRÚC XẾP LOẠI BỀ MẶT

Gỗ kiến trúc Xếp Loại Bề Mặt được xếp loại một cách gần như riêng biệt bằng cách kiểm tra trực quan bằng mắt, và các xếp loại được chỉ định là đánh giá về bề mặt, không phải về sức mạnh. Các sản phẩm sắp xếp từ mức cực kỳ hiếm và tinh tế cho đến các tấm gỗ thực dụng nhất dành cho những ứng dụng mà giá cả là yếu tố quan trọng nhất.

Mặc dù đôi khi được bán trên thị trường dưới dạng các kết hợp dựa trên bề mặt giống nhau, các loài trong Xếp Loại Bề Mặt thường được bán riêng. Các xếp loại bề mặt có thể là đặc trưng của loài, phản ánh nguồn gốc của chúng trong các tiểu vùng sinh thái khác nhau của Phía Tây Hoa Kỳ.

Ví dụ, có các xếp loại đặc biệt cho Gỗ thông trắng Idaho và Gỗ đỏ California vì có các biến thể theo khu vực của các loài. Có một bộ các xếp loại "Tấm" (Board) đối với cây thông có nguồn gốc từ miền Tây nội địa nơi mà cây thông ponderosa, lá to xoắn và cây thông đường mọc lên; và một bộ các xếp loại khác dành cho sản phẩm linh sam, có nguồn gốc từ khu vực ven biển của Tây Bắc Thái Bình Dương nơi Gỗ linh sam Douglas và Cây độc cần phương Tây thống trị.



Tuy nhiên, tất cả các xếp loại bề mặt có thể được chia thành hai phân nhóm rộng:

- 1. Các xếp loại bề mặt có chất lượng cao nhất** thường hoàn toàn rõ ràng, không có các đặc tính tự nhiên, nhược điểm và khiếm khuyết sản xuất. Đây là những miếng gỗ hoàn hảo nhất có thể, có giá tương xứng với chất lượng, và được dành cho những ứng dụng mà bề mặt đẹp là mối quan tâm hàng đầu. Sản phẩm trong các xếp loại này được sản xuất cẩn thận và thường được sấy khô bằng lò nung.
- 2. Các xếp loại tấm phục vụ mục đích chung** được áp dụng cho những sản phẩm có mắt gỗ, với các hạn chế về kiểu gỗ và chất lượng của các đặc tính được phép và các khiếm khuyết sản xuất được xác định theo phạm vi của các xếp loại riêng lẻ. Những sản phẩm này có sẵn hơn và phù hợp với nhiều loại ứng dụng cả cao cấp và thấp cấp.

Các bảng đối diện cung cấp danh sách một phần xếp loại bề mặt của các loài phương Tây:



| Phân nhóm sản phẩm | Các xếp loại | Các xếp loại tương đương trong Gỗ thông trắng Idaho |
|---|--|--|
| Bề Mặt Chất Lượng Cao Nhất | | |
| Danh Sách R Sạch (R-List Clears) Áp dụng chủ yếu cho Gỗ linh sam Douglas, Cây độc cần phương Tây, Gỗ thông Sitka và Cây tuyết tùng đỏ phương Tây | Số 2 Sạch & Tốt Hơn (No. 2 Clear & Btr) Số 3 Sạch (No. 3 Clear) Số 4 Sạch (No. 4 Clear) | |
| Lựa Chọn Áp dụng cho tất cả các loài nhưng được sử dụng chủ yếu cho các sản phẩm thông | Lựa Chọn B & Tốt Hơn (B & Btr Select) <u>Lựa Chọn C (C Select)</u> <u>Lựa Chọn D (D Select)</u> | Tuyệt Đỉnh (Supreme) <u>Chọn Lựa (Choice)</u> <u>Chất Lượng (Quality)</u> |
| Xếp Loại Hoàn Thiện (Finish) Thường chỉ có ở các loài Gỗ linh sam Douglas & Gỗ thông Hem-Fir | Quy Định W/WPA Quy Định WCLIB <u>Cao Cấp (Superior)</u> <u>C & Tốt Hơn</u> <u>Cần Bản (Prime)</u> <u>(C & Btr)</u> E <u>D</u> | |
| Xếp Loại Gỗ Đồ Kiến trúc Quy Định RIS Chỉ dành cho các loài gỗ đỏ | Xếp Loại Gỗ Lõi: Sạch Tất Cả Lõi Gỗ (Clear All Heart) <u>Lõi Gỗ B (Heart B)</u> Xếp Loại Gỗ Dác: Sạch (Clear) <u>Xếp loại B</u> | |
| Xếp Loại Cây tuyết tùng đỏ phương Tây Đặc Biệt Chỉ dành cho các loài Gỗ tuyết tùng | Sạch Lõi Gỗ (Clear Heart) Xếp loại A Xếp loại B | |
| Tấm Phục Vụ Mục Đích Chung | | |
| Danh Sách R Có Thể Bán Được (R-List Merchantable) Chủ yếu cho Gỗ linh sam Douglas, Cây độc cần phương Tây, Gỗ thông Sitka và Cây tuyết tùng đỏ phương Tây | Lựa Chọn Có Thể Bán Được (Select Merchantable) Số 1 Có Thể Bán Được (No. 1 Merchantable) Số 2 Có Thể Bán Được (No. 2 Merchantable) Số 3 Phổ Biến (No. 3 Common) | |
| Tấm Phổ Biến (Quy Định W/WPA) Chủ yếu cho thông, tùng và tuyết tùng | <u>1 Phổ Biến (1 Common)</u> <u>2 Phổ Biến (2 Common)</u> <u>3 Phổ Biến (3 Common)</u> <u>4 Phổ Biến (4 Common)</u> <u>5 Phổ Biến (5 Common)</u> | Thực dân (Colonial) Đồng bảng Anh (Sterling) Tiêu Chuẩn (Standard) Tiện Ích (Utility) Công Nghiệp (Industrial) |
| Xếp Loại Tấm (Quy Định WCLIB) Chủ yếu cho các loài Gỗ linh sam Douglas và Gỗ thông Hem-Fir | <u>Lựa Chọn Có Thể Bán Được (Select Merchantable)</u> Xây Dựng (Construction) Tiêu Chuẩn (Standard) Tiện Ích (Utility) Tiết Kiệm (Economy) | |
| Xếp Loại Vườn Gỗ Đỏ Xếp Loại RIS Chỉ dành cho các loài gỗ đỏ | Xếp Loại Gỗ Lõi: <u>Lõi Gỗ Xây Dựng (Construction Heart)</u> Xếp Loại Gỗ Dác: Phổ Biến Trong Xây Dựng (Construction Common)/Phổ Biến Ở Boong, Sàn (Deck Common) Có Thể Bán Được (Merchantable) | |
| Xếp Loại Cây tuyết tùng đỏ phương Tây Đặc Biệt Chỉ dành cho tuyết tùng | Lựa Chọn Nhiều Mắt (Select Knotty) Chất Lượng Nhiều Mắt (Quality Knotty) | |

Chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn các xếp loại được gạch chân nêu trên ở các trang sau để có một góc nhìn đại diện về Xếp Loại Bề Mặt. Để biết thêm thông tin về bất kỳ xếp loại nào trong những xếp loại này, vui lòng liên hệ với chúng tôi tại www.softwood.org.

LỰA CHỌN XẾP LOẠI





12 C&BTR SEL
WPA® KD 15 IWP

C & Lựa Chọn Tốt Hơn (C & Btr Select)

Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ

- Có thể áp dụng cho bất kỳ loài nào, nhưng thường giữ lại để dành cho cây thông phương Tây
- Đề xuất cho những nơi mà bề mặt đẹp là mối quan tâm hàng đầu; hầu như sạch và gần như không tỉ vết
- Cho phép một vài đặc tính và được xếp loại trên toàn bộ chiều dài của bề mặt tốt hơn
- Gần tương đương với No. 2 Clear & Btr (quy định Danh Sách R Xuất Khẩu), Superior (quy định W/WPA) và C & Btr (quy định WCLIB).



12 CHOICE & BTR
WPA® KD 15 IWP

Chọn Lựa & Tốt Hơn (Choice & Btr)

Gỗ thông trắng Idaho

- Màu sáng, kết cấu đều, hầu như không có xu hướng chia ra hoặc tách mảnh, và nổi tiếng vì khả năng dễ sử dụng của nó với thớ gỗ hoặc ngang theo thớ gỗ
- IWP có tập hợp các xếp loại riêng phục vụ cho việc xác định loài cụ thể này trên thị trường
- Bao gồm các miếng gỗ mà có thể tạo ra xếp loại Tuyệt Đỉnh (Supreme), nhưng trái lại giống với xếp loại C & Lựa Chọn Tốt hơn (C & Btr Select) được sử dụng cho các cây thông phương Tây khác.



12 D SEL
WPA® KD 15 IWP

Lựa Chọn D (D Select)

Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ

- Đề xuất cho những nơi mà các yêu cầu hoàn thiện cần ít sự chính xác hơn
- Gỗ Kiến Trúc có các đặc điểm bề mặt của xếp loại Lựa Chọn C (C Select)
- Các yêu cầu đặc tính thường ít hạn chế hơn, và được xếp loại theo toàn bộ chiều dài trên bề mặt đẹp nhất
- Nằm ở giữa các xếp loại cao hơn dành cho gỗ sạch và các xếp loại Tấm (Board) áp dụng cho các sản phẩm có mắt gỗ.



12 QUALITY
WPA® KD 15 IWP

Chất Lượng

Gỗ thông trắng Idaho

- IWP có tập hợp các xếp loại riêng phục vụ cho việc xác định loài cụ thể này trên thị trường
- Giống với xếp loại Lựa Chọn D (D Select) được sử dụng cho các cây thông phương Tây khác.

XẾP LOẠI HOÀN THIỆN & TẤM (FINISH & BOARD)





Cao Cấp (Superior) hoặc C & Tốt Hơn (C & Btr)

Gỗ linh sam Douglas

- Dành cho tất cả các ứng dụng có yêu cầu duy nhất là chất lượng phải tốt nhất
- Đề xuất cho đẻo gọt nội thất và đồ gỗ mỹ thuật có các hoàn thiện mang tính tự nhiên, vệt hoặc men sứ, những nơi muốn có được ngoại hình tinh tế
- Gỗ hầu như sạch, hạn chế về số lượng sẩn có và giá cả tương xứng với chất lượng
- Có thể chỉ định cụ thể VG (thớ gỗ dọc)
- Cao Cấp (Superior): Quy định W/WPA; C & Tốt Hơn (C & Btr): Quy định WCLIB.



Căn Bản (Prime) hoặc D

Gỗ linh sam Douglas

- Các loài thể hiện bề mặt đẹp, với các yêu cầu đặc tính bớt hạn chế hơn một chút
- Các xếp loại thường được áp dụng cho Gỗ linh sam Douglas và Gỗ thông Hem-Fir
- Xếp loại Căn Bản (Prime) cho phép một đường cắt 76mm ở một đầu, hoặc cách đầu hơn 0.9 mét, với những miếng gỗ có bề mặt tốt
- Đường cắt giới hạn ở mức 10% của đồ vật ở các miếng gỗ dài từ 3,7 mét trở lên
- Có thể chỉ định cụ thể VG (thớ gỗ dọc)
- Căn Bản (Prime): Quy định W/WPA; D: Quy định WCLIB.



Hoàn Thiện E (E Finish)

Gỗ linh sam Douglas

- Dự tính bao gồm các sản phẩm không đạt xếp loại cao hơn xếp loại HOÀN THIỆN (FINISH) (tức là Căn Bản - Prime và Cao Cấp - Superior) do bị cắt ngang và/hoặc bị cưa
- Mỗi miếng gỗ phải chứa $\frac{2}{3}$ hoặc nhiều hơn các tấm cắt rộng từ 50mm trở lên và dài từ 400mm trở lên
- Hoàn thiện E (E Finish): Quy định W/WPA.



Lựa Chọn Có Thể Bán Được (Select Merchantable)

Gỗ linh sam Douglas

- Đề xuất cho nhà ở và xây dựng nhẹ, chẳng hạn như ván khuôn, vật liệu đóng khung giá, lớp bọc, hoặc bất kỳ ứng dụng hoàn thiện nào mong muốn có một kiểu gỗ nhiều mắt với bề mặt tinh tế
- Mỗi miếng gỗ đều có bề mặt đẹp, thớ gỗ sát và không có gỗ khuyết góc trên bề mặt với một ít đặc tính không đáng kể được phép
- Các mắt gỗ đều và thắt lại có kích thước từ 32mm trên 102mm chiều rộng, cho đến 64mm trên 305mm chiều rộng, tỷ lệ tương đương cho các chiều rộng lớn hơn.

XẾP LOẠI TẤM PHỔ BIẾN (COMMON BOARD)



1 Phổ Biến (1 Common)

Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ

- Được đề xuất như là sản phẩm cuối có bề mặt tốt trong nhóm vật liệu có nhiều mắt thuộc cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ hoặc cây thông đường, hoặc các loài tùng và tuyết tùng
- Bao gồm tất cả các tấm gỗ đều, có mắt gỗ thắt chặt, với kích thước và đặc điểm của các mắt gỗ là yếu tố quyết định trong xếp loại
- Không có sẩn với khối lượng lớn
- Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ được biết đến với màu kem, kết cấu tinh tế và đặc tính dễ sử dụng
- Gỗ thông trắng Idaho tương đương: Thực dân (Colonial).



2 Phổ Biến (2 Common)

Gỗ vân sam Engelmann

- Đề xuất cho ván khuôn, vật liệu đóng khung giá và các ứng dụng khác, nơi mong muốn có bề mặt tinh tế
- Dành để sử dụng trong nhà ở và xây dựng nhẹ, nơi mà gỗ sẽ phải tiếp xúc nhiều với môi trường bên ngoài
- Gỗ vân sam Engelmann được biết đến với sức mạnh cực tốt so với trọng lượng nhẹ của nó và gỗ có màu gần như trắng, không mùi, không vị, mịn, kết cấu mềm, và thớ gỗ thẳng
- Gỗ thông trắng Idaho tương đương: Đồng bằng Anh (Sterling).



3 Phổ Biến (3 Common)

Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ

- Đề xuất cho phạm vi rộng các mục đích xây dựng, nơi mà yêu cầu cả ngoại hình lẫn sức mạnh
- Có ít các đặc tính giúp đảm bảo khả năng phục vụ ở mức độ cao, đặc biệt phù hợp cho mục đích sử dụng trong công nghiệp
- Gỗ thông trắng Idaho tương đương: Tiêu chuẩn (Standard)

XẾP LOẠI GỖ ĐỎ CALIFORNIA



Lõi Gỗ B (Heart B)

Gỗ đỏ

- Xếp loại gỗ lõi chất lượng có chứa ít các mắt gỗ và các đặc tính khác không được phép trong Sạch Tất Cả Lõi Gỗ (Clear All Heart)
- Có sẵn sản phẩm sấy khô hoặc không sấy khô; bề mặt được làm nhẵn hoặc để nguyên kết cấu sau cưa
- Được sử dụng rộng rãi cho ván gỗ ngoài dàn khung, ván khuôn, đèo gọt, tấm cách, đúc ép và các chi tiết kiến trúc khác và các thanh gỗ cấu trúc
- Rất thích hợp cho boong sàn, vườn và các cấu trúc có chất lượng khác và sử dụng trên nền đất hoặc gắn nền đất.



Xếp Loại B

Gỗ đỏ

- Xếp loại kiến trúc có chất lượng bao gồm gỗ dác, cho phép ít mắt gỗ và các đặc tính khác không được phép trong Sạch (Clear)
- Có sẵn sản phẩm sấy khô hoặc không sấy khô; bề mặt được làm nhẵn hoặc để nguyên kết cấu sau cưa
- Được sử dụng rộng rãi cho lớp bọc, ván khuôn, đèo gọt, tấm cách, đúc ép và các mục đích sử dụng khác trong kiến trúc
- Thích hợp cho các cấu trúc boong sàn, vườn có chất lượng và các ứng dụng ngoài trời trên mặt đất khác.



Lõi Gỗ Xây Dựng (Construction Heart)

Gỗ đỏ

- Xếp loại gỗ lõi bao gồm các mắt gỗ có kích thước và chất lượng khác nhau
- Có sẵn sản phẩm sấy khô hoặc không sấy khô; bề mặt được làm nhẵn hoặc để nhám
- Được sử dụng cho boong sàn, cột, tường chắn, hàng rào, vườn và các cấu trúc khác, cầu thang, các thanh gỗ cấu trúc và bất kỳ mục đích sử dụng nào trên nền đất hoặc gắn nền đất.

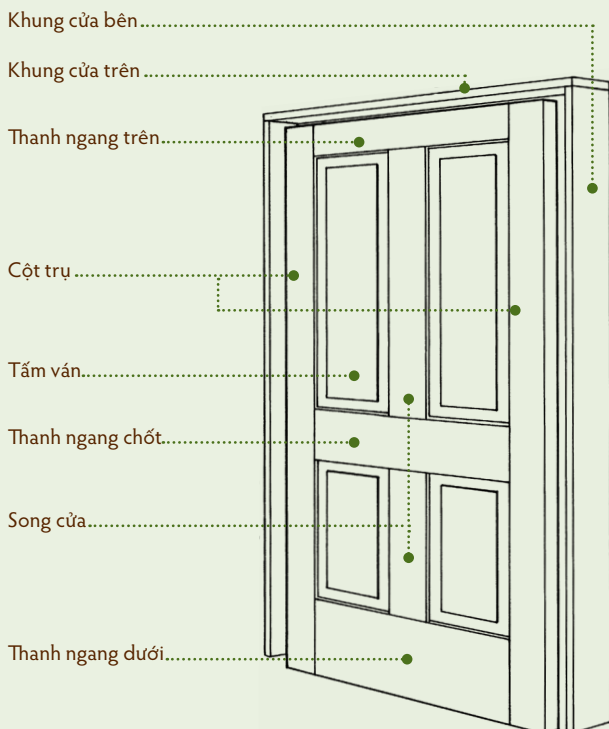
GỖ KIẾN TRÚC DÀNH CHO TÁI SẢN XUẤT

Các sản phẩm gỗ kiến trúc dành cho mục đích tái sản xuất thường được xếp loại theo tỷ lệ phần trăm của “các tấm cắt” sạch có kích thước tiêu chuẩn có thể thu hồi được từ một miếng gỗ sau khi xử lý để loại bỏ các khiếm khuyết hay các đặc tính khác. Các tấm cắt này được sử dụng cho cửa sổ, cửa ra vào, đồ nội thất, đúc ép, hộp, tủ và các đồ gia công khác.

Các xếp loại gỗ kiến trúc dành cho tái sản xuất có thể được áp dụng cho hầu hết các loài, bao gồm cả gỗ đỏ và tuyết tùng. Tuy nhiên, các loài được sử dụng rộng rãi nhất cho các Xếp Loại Tái Sản Xuất là Gỗ linh sam Douglas, Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ, cây thông đường, Cây độc cần phương Tây, và gỗ linh sam thật, thường được kết hợp và bán trên thị trường như là Gỗ thông Hem-Fir.

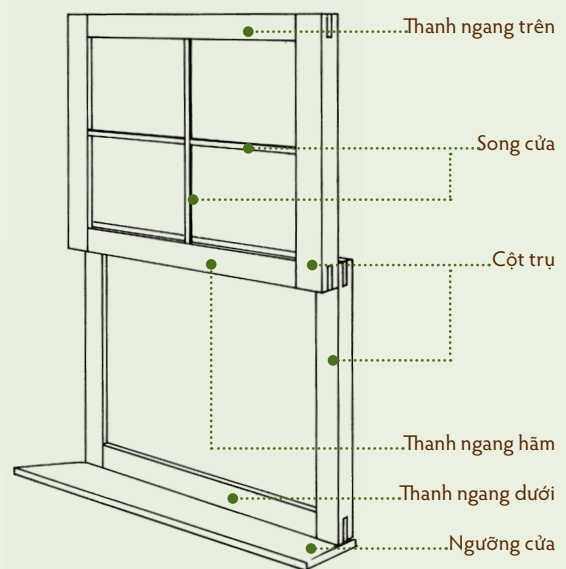
Có nhiều xếp loại cụ thể trong phân loại tấm của các sản phẩm gỗ kiến trúc này, nhưng trọng tâm của hướng dẫn này là về các xếp loại gỗ kiến trúc dành cho tái sản xuất phi cấu trúc từ WCLIB, WWPA, và các xếp loại trong Danh Sách “R” Xuất Khẩu từ PLIB. Các phân nhóm sản phẩm của WCLIB và WWPA bao gồm:

Các Tấm Cắt Gỗ Cửa



- **Các xếp loại Tấm Gỗ Ép (Moulding Stock)** áp dụng cho mọi loài với tất cả chiều dài và độ dày, xác định gỗ kiến trúc phù hợp để cửa thành các dải rộng từ 25 mm trở lên, dài từ 3 mét trở lên để đúc ép.
- **Các xếp loại Gỗ Kiến Trúc Cửa Hàng (Shop Timber)** áp dụng cho mọi loài với tất cả chiều dài và độ dày, với tham chiếu tỷ lệ phần trăm diện tích trong miếng có thể phục hồi được trong phân cắt để sử dụng cho cửa sổ kéo và các bộ phận cửa.
- **Các xếp loại Tấm Gỗ Làm Cửa (Door Stock)** áp dụng cho mọi loài ngoại trừ gỗ tuyết tùng trong kho 29mm và dày hơn, được phân loại theo tỷ lệ phần trăm diện tích trong mỗi miếng có thể thu hồi được trong phân cắt để được sử dụng làm cọc và thanh tráng men cho các bộ phận cửa sổ.
- **Các xếp loại Tấm Gỗ Làm Cửa Phẳng (Flush Door Stock)** áp dụng cho các lớp bao gồm các sản phẩm trong gỗ linh sam Douglas và gỗ thông Hem-Fir 29mm và dày hơn, được sử dụng để sản xuất các loại cửa tuôn ra được phủ gỗ dán.
- **Các xếp loại Tấm Gỗ Khung Cửa và Phần Mái (Jamb and Head Stock)** được hoàn thiện thô hoặc láng mịn ở tất cả các loài dày từ 29mm trở lên, rộng 102 đến 203mm, được xếp loại để thu hồi các tấm cắt phù hợp để sản xuất thành các khung cửa và các bộ phận cấu thành. Các tấm cắt bao gồm phần bên (Sides), phần trên (Head), Moulding Rips, và vật liệu khớp ngón tay ở các kích thước được xác định trước.

Các Tấm Cắt Cửa Sổ Kéo



Các xếp loại tái sản xuất trong Danh Sách "R" Xuất Khẩu của PLIB bao gồm:

- **Xếp loại Sạch (Clear)** có ba xếp loại và có thể được đặt hàng theo thứ gỗ dọc hoặc ngẫu nhiên. Các xếp loại này được chia thành ba phân nhóm theo độ dày: dưới 76mm, 76mm đến 127mm, và dày từ 127mm trở lên. Đặc tính được phép thay đổi tùy theo xếp loại và độ dày. Các xếp loại cụ thể bao gồm Số 2 Sạch (No. 2 Clear), Số 3 Sạch (No. 3 Clear) và Số 4 Sạch (No. 4 Clear).
- **Xếp loại Có Thể Bán Được** có bốn xếp loại, được chia thành ba phân nhóm theo độ dày: dưới 38mm, 38mm đến 76mm, 76mm đến 152mm, và từ 152mm trở lên. Đặc tính được phép thay đổi tùy theo xếp loại và độ dày. Các xếp loại cụ thể bao gồm Lựa Chọn Có Thể Bán Được (Selected Merchantable), Số 1 Có Thể Bán Được (No. 1 Merchantable), Số 2 Có Thể Bán Được (No. 2 Merchantable) và Số 3 Phổ Biến (No. 3 Common).

Ở các trang tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét một số ví dụ về các xếp loại từ Tấm Gỗ Ép, Gỗ Kiến Trúc Cửa Hàng, và Danh Sách "R" Xuất Khẩu để hiểu rõ hơn về cách các tấm này được xếp loại. Để biết thêm thông tin về các Xếp Loại Tái Sản Xuất, vui lòng liên hệ với chúng tôi tại www.softwood.org.



CÁC XẾP LOẠI ĐÚC ÉP (MOULDING) & CỬA HÀNG (SHOP)





Dày từ 29mm trở lên RWL*

Tấm Gỗ Ép

Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ

- Trong Tấm Gỗ Ép rộng 29, 36 và 40mm, xếp loại của từng đường của được xác định từ bề mặt xấu nhất
- Cho phép gỗ khuyết góc, vết, bỏ qua lớp đánh bóng hoặc các đặc tính khác sẽ "làm nhẵn bề mặt" khi đúc ép
- Tối đa 10% tổng số mét khối của bất kỳ đồ vật nào dài từ 1.8 đến 2.7 mét, với điều kiện mỗi miếng gỗ chứa từ 66.7% trở lên của toàn bộ chiều dài Moulding Rips
- Các miếng gỗ dài 4.9 mét
- Miếng gỗ 1 rộng 152mm, chứa 83.8% Moulding Rips được phép
- Miếng gỗ 2 chứa 76.2% Rips Mould được phép. Dấu ở phía trên của tấm cho biết diện tích bề mặt 0.09m² bị "thu nhỏ lại" do gỗ khuyết góc, gây ra mất mát tổng từ 10% trở lên cho diện tích miếng gỗ.



Dày từ 29mm Trở lên RWL

Số 1 Cửa Hàng (No. 1 Shop)

Cây thông đường

- Chứa từ 50% đến 70% Các Tấm Cắt Gỗ Cửa Số 1
- Cho phép một Tấm Cắt Cột trụ Số 2 và tối đa 2 song cửa từ tấm
- Mỗi miếng gỗ dài 4.9 mét
- Miếng gỗ 1 rộng 378mm và có diện tích bề mặt 1.9m², chứa 55.3% Các Tấm Cắt Gỗ Cửa được phép
- Miếng gỗ 2 rộng 356mm và có diện tích bề mặt 1.7m², chứa 68.2% Các Tấm Cắt Gỗ Cửa được phép



19mm S4S DAR**

Số 2 Cửa Hàng (No. 2 Shop)

Cây thông ponderosa vỏ trắng Bắc Mỹ

- Chứa 33.3% trở lên các tấm cắt ở kích thước và chất lượng cho phép đối với xếp loại Số 1 Cửa Hàng (No. 1 Shop)
- Mỗi miếng gỗ rộng 286mm và dài 4.9 mét
- Miếng gỗ 1 chứa 40.7% các tấm cắt được phép, một trong số đó có một túi hắc ín nhỏ
- Miếng gỗ 2 chứa 36.4% các tấm cắt được phép, một trong số đó có một túi hắc ín nhỏ và được xếp loại Lựa chọn C (C Select). Dấu ở phía trên của tấm cho biết diện tích bề mặt 0.185m² bị "thu nhỏ lại" do lượng lớn hắc ín (có ở mặt đối diện) gây ra mất mát tổng từ 5% trở lên cho diện tích miếng gỗ.
- Miếng gỗ 3 chứa 40% các tấm cắt được phép, một trong số đó chứa một mắt gỗ hình ghim 13mm và được xếp loại Lựa Chọn C (C Select).

*Chiều Rộng và Chiều Dài Ngẫu Nhiên

**Đánh Bóng Tất Cả Các Mặt

XẾP LOẠI DANH SÁCH “R” XUẤT KHẨU





Số 2 Sạch & Tốt Hơn (No. 2 Clear & Btr)

Gỗ linh sam Douglas

- Gỗ kiến trúc đều, được sản xuất tốt có chất lượng bề mặt rất cao
- Cho phép ba điểm bất thường ở mặt bên, và bốn ở mặt đối diện đối với mỗi 3.7 mét chiều dài dựa trên 203mm chiều rộng
- Dác gỗ sáng; chỉ có các mắt ở phía đối diện
- Ở hai đầu sẽ có trung bình ít nhất 6 vòng tròn tăng trưởng hàng năm mỗi 25 mm
- Tấm Gỗ dày từ 127mm trở lên và dài từ 5.5 mét trở lên cho phép một điểm bất thường lớn hơn xuất hiện ở 1-2 bề mặt, miễn là nó xuất hiện trong một tấm cắt dài từ 2.4 mét trở lên và không có điểm bất thường
- Miếng gỗ 1 hầu như không có điểm bất thường trên bề mặt
- Miếng gỗ 2 có một túi hắc ín nhỏ
- Miếng gỗ 3 xuất hiện các điểm bất thường được phép ở mặt đối diện với một mắt gỗ hình ghim, một mắt gỗ nhỏ và một vết sọc hắc ín rất nhỏ.

Số 4 Sạch (No. 4 Clear)

Gỗ linh sam Douglas

- Một xếp loại bề mặt có chất lượng cho phép có ít các mắt gỗ trên bề mặt
- Được sản xuất tốt, cho phép một điểm bất thường trở lên dưới xếp loại Số 3 Sạch (No. 3 Clear)
- Các điểm bất thường ở mặt đối diện có thể hơi vượt quá số lượng so với ở mặt bên, trừ khi có chỉ định khác
- Việc mô tả xếp loại được dựa trên một miếng gỗ rộng 203mm và dài 3.7 mét
- Trong tất cả các độ dày, các miếng gỗ thẳng thẻo có thể có một đường cắt 102mm cách mỗi đầu từ 1,2 mét trở lên
- Miếng gỗ 1 có sáu mắt gỗ có kích thước từ 10 mm đến 25 mm
- Miếng gỗ 2 có ba mắt gỗ có kích thước tối đa 25 mm, ba mắt gỗ 19mm, một vài mắt gỗ hình ghim và một túi hắc ín rất nhỏ
- Miếng gỗ 3 có năm mắt gỗ, có kích thước từ 10 mm đến 19mm và vết hình tim kích thước trung bình.

51mm x 245 & 305mm

Số 1 Có Thể Bán Được (No. 1 Merchantable)

Gỗ linh sam Douglas

- Sản xuất tốt, thớ gỗ trung bình; phù hợp cho nhiều mục đích khác nhau, ở những nơi mà tiện ích quan trọng hơn ngoại hình
- Cho phép các mắt gỗ đều và thắt lại có kích thước từ 44mm trên 102mm chiều rộng, cho đến 76mm trên 305mm chiều rộng, tỷ lệ tương đương cho các chiều rộng lớn hơn.
- Miếng gỗ 1 có các mắt gỗ đều và thắt lại lên tới 68mm với gỗ dác nhỏ hơn một nửa diện tích
- Miếng gỗ 2 chứa gỗ dác bao gồm vết xanh dương nhỏ hơn một nửa diện tích với các mắt gỗ đều và thắt lại có kích thước lên đến 64mm
- Miếng gỗ 3 có các mắt gỗ đều và thắt lại có kích thước lên đến 64mm và được phép có gỗ khuyết góc ở một đầu.



Bản quyền © 2018 SEC. Bảo lưu mọi quyền.

Hội Đồng Xuất Khẩu Gỗ Mềm (The Softwood Export Council - SEC) là hội đồng thương mại phi lợi nhuận của các cơ quan xếp loại gỗ mềm Hoa Kỳ, các hiệp hội thương mại công nghiệp, các cơ quan phát triển xuất khẩu tiểu bang và những cơ quan khác quan tâm đến việc quảng bá các sản phẩm gỗ mềm Hoa Kỳ trên phạm vi quốc tế.

SEC điều phối các hoạt động phát triển thị trường nước ngoài với Cơ Quan Dịch Vụ Nông Nghiệp Quốc Tế Hoa Kỳ, các đại lý của các tổ chức thành viên của Cơ Quan này và với các nhà nhập khẩu và người sử dụng các sản phẩm gỗ mềm Hoa Kỳ tại các thị trường quốc tế.

Văn phòng lãnh vực quốc tế và đại diện của SEC được đặt tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mexico và Anh. Thông tin chi tiết được cung cấp trên trang web của SEC.

Trang web của SEC cũng cung cấp thông tin về các tổ chức thành viên, các dịch vụ và các công ty cũng như một danh mục tài liệu và thông tin hỗ trợ về các sản phẩm. Hầu hết các ấn phẩm hỗ trợ sản phẩm, với nhiều ấn phẩm đa ngôn ngữ, có thể được đặt hàng trực tiếp từ các văn phòng lãnh vực quốc tế của SEC.

Hội Đồng Xuất Khẩu Gỗ Mềm
Portland, Oregon USA
email: admin@softwood.org
website: www.softwood.org

Trong mọi chương trình hay hoạt động, SEC không phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tôn giáo, giới tính, nhận dạng giới tính (bao gồm cả biểu hiện giới), khuynh hướng tính dục, tình trạng khuyết tật, tuổi tác, tình trạng hôn nhân, tình trạng gia đình/phụ huynh, thu nhập từ chương trình hỗ trợ công cộng, tư tưởng chính trị hay thực hiện trả thù hoặc trả đũa cho hoạt động dân quyền trước đó. Để gửi đơn khiếu nại, vui lòng liên hệ với USDA theo số (866) 632-9992: program.intake@usda.gov. Những người cần các điều chỉnh hợp lý hoặc phương tiện liên lạc thay thế nên liên hệ với SEC.

